

Cao Bằng, ngày 12 tháng 10 năm 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (huyện Bảo Lâm)

1. Điểm khóa luận tốt nghiệp

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Ngọc Anh	8,25	Tám phẩy hai năm	9	Hà Thị Lan	8,25	Tám phẩy hai năm
2	Bàn Thị Vân Anh	8,00	Tám	10	Triệu Thị Liên	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Hà Thị Duyên	8,25	Tám phẩy hai năm	11	Hoa Thị Nga	8,50	Tám phẩy năm
4	Lãnh Thị Duyên	8,00	Tám	12	Nguyễn Hoàng Ngoan	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Nguyễn Thị Thu Hà	8,00	Tám	13	Trần Hùng Quang	8,75	Tám phẩy bảy năm
6	Lã Xuân Hải	8,75	Tám phẩy bảy năm	14	Hoàng Thị Thời	8,50	Tám phẩy năm
7	Ngô Văn Khánh	8,00	Tám	15	Hoàng Lệ Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
8	Phạm Thị Khuyên	8,50	Tám phẩy năm	16	Mã Thị Tú	8,25	Tám phẩy hai năm

2. Điểm thi tốt nghiệp

1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7,92	Bảy phẩy chín hai	32	Nguyễn Ngọc Mẫn	7,17	Bảy phẩy mười bảy
2	Nông Văn Cường	6,67	Sáu phẩy sáu bảy	33	Mạc Văn Minh	7,17	Bảy phẩy mười bảy
3	Nguyễn Đức Chinh	7,42	Bảy phẩy bốn hai	34	Nông Văn Minh	7,08	Bảy phẩy không tám
4	Nông Văn Dũng	6,83	Sáu phẩy tám ba	35	Nông Văn Mộc	7,17	Bảy phẩy mười bảy
5	Quan Thị Dung	6,83	Sáu phẩy tám ba	36	Lâu Thị My	7,17	Bảy phẩy mười bảy
6	Phương Đình Duy	7,00	Bảy	37	Hoàng Thị Ngân	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Lý Văn Đình	6,92	Sáu phẩy chín hai	38	Liên Thị Nguyên	6,83	Sáu phẩy tám ba
8	Hoàng Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	39	Mã Văn Nhâm	7,42	Bảy phẩy bốn hai
9	Lục Văn Đức	7,00	Bảy	40	Bé Thị Nhung	7,17	Bảy phẩy mười bảy
10	Mông Thị Điệp	7,33	Bảy phẩy ba ba	41	Sầm Thị Phiên	7,08	Bảy phẩy không tám
11	Dương Thị Điệp	7,58	Bảy phẩy năm tám	42	Hà Văn Phong	7,42	Bảy phẩy bốn hai
12	Dương Văn Định	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Đặng Văn Quân	7,92	Bảy phẩy chín hai
13	Phan Thị Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nông Thị Sân	7,92	Bảy phẩy chín hai
14	Trịnh Thị Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Vương Văn Sinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Nông Thị Hậu	7,25	Bảy phẩy hai năm	46	Vi Văn Sơn	7,17	Bảy phẩy mười bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
16	Ma Xuân Hòa	6,33	Sáu phẩy ba ba	47	Anh Thị Thanh	7,33	Bảy phẩy ba ba
17	Tô Thị Thu Hoài	7,42	Bảy phẩy bốn hai	48	Mạc Văn Thánh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
18	Ma Thị Hoàn	7,58	Bảy phẩy năm tám	49	Hoàng Văn Thành	6,92	Sáu phẩy chín hai
19	Hà Thị Bích Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Nguyễn Thị Phương Thảo	7,50	Bảy phẩy năm
20	Mạc Văn Huân	7,17	Bảy phẩy mười bảy	51	Nông Thị Thảo	7,42	Bảy phẩy bốn hai
21	Nông Thị Huệ	7,17	Bảy phẩy mười bảy	52	Lữ Thị Thu	7,58	Bảy phẩy năm tám
22	Mã Thị Huệ	7,42	Bảy phẩy bốn hai	53	Mạc Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Nguyễn Như Hùng	6,92	Sáu phẩy chín hai	54	Lữ Thu Thủy	7,42	Bảy phẩy bốn hai
24	Hoa Mạnh Hưng	7,08	Bảy phẩy không tám	55	Lãnh Thị Phương Trang	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Nông Thị Hương	7,42	Bảy phẩy bốn hai	56	Triệu Thị Trang	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
26	Chu Thị Thanh Huyền	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	57	Lãnh Thị Trọng	7,50	Bảy phẩy năm
27	Nông Ngọc Kiên	7,25	Bảy phẩy hai năm	58	Hoàng Huy Tuyên	7,33	Bảy phẩy ba ba
28	Lương Thị Ngọc Lan	7,50	Bảy phẩy năm	59	Nông Văn Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	Nông Thị Lành	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Phương Ánh Tuyết	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Dương Văn Lợi	7,17	Bảy phẩy mười bảy	61	Mạc Thị Vê	7,17	Bảy phẩy mười bảy
31	Lương Hà Lý	7,58	Bảy phẩy năm tám	62	Nông Thị Chuyên (K4)	7,42	Bảy phẩy bốn hai

GHI ĐIỂM

DHlu

Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Day

Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Ánh Hoa